SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT BẠCH ĐẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 19/QĐ-THPTBĐ

Quảng Yên, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG BẠCH ĐẰNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ "Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công";

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công";

Căn cứ Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc "Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh";

Căn cứ Quyết định 3051/QĐ-UBND ngày 16/10/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc "Quy định bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo";

Căn cứ Văn bản 3606/SGDĐT-KHTC ngày 14/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc "Hướng dẫn thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ, thiết bị";

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 4/9/2019 hướng dẫn tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 về việc ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh Quy định bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 06/8/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc "Quy định Danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh";

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-THPTBĐ ngày 30/10/2024 của Trường THPT bạch Đằng Về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trong nhà trường từ năm học 2024-2025;

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ biên bản kiểm kê tài sản năm 2024 thực hiện theo Quyết định số 241/QĐ-THPTBĐ ngày 11/12/2024 về việc thành lập Tổ kiểm kê tài sản năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận quản lý Cơ sở vật chất, thiết bị, tài sản nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ đã hư hỏng, không thể khắc phục, sửa chữa (hoặc sửa sửa phát sinh kinh phí lớn trên 30% nguyên giá).

Số lượng, tình trạng *(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

Điều 2. Hình thức thanh lý; Tiêu huỷ (đối với các tài sản, công cụ, dụng cụ không thể bán thu tiền). Riêng các hóa chất, chai lọ của môn Hóa học đóng gói chờ đơn vị chức năng đến thu gom.

Điều 3. Các Phó hiệu trưởng; Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn; Các Tổ, nhóm chuyên môn, Tổ Văn phòng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CAO BẰNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BẠCH ĐẰNG

Lại Chiến Thắng

Mẫu số 07/TSC-TSDA

DANH MỤC TÀI SẢN THANH HỦY

(kèm theo Quyết định số 19/QD-THPTBĐ ngày 10/01/2025 của trường THPT Bạch Đằng)

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	**Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp,..**						
B	**Xe ô tô**						
C	**Máy móc, thiết bị**						
D	**Tài sản khác**						
1	Mô hình không gian phân tử ADN	cái	7		0	0	Tiêu huỷ
2	Mô hình giảm phân (cũ)	bộ	3		0	0	Tiêu huỷ
3	Bộ đồ mổ	bộ	12		0	0	Tiêu huỷ
4	Bộ tranh sinh vật lớp 10	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
5	Bộ tranh sinh vật lớp 11	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
6	Bộ tranh sinh vật lớp 12	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
7	Mô hình nguyên phân (cũ)	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
8	Mô hình giảm phân (cũ)	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
9	Kính hiển vi CM 460 lần	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
10	Kính hiển vi CM 1600 lần	cái	1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
11	Kính hiển vi trung quốc	cái	6		0	0	Tiêu huỷ
12	Đèn cồn	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
13	Lọ nhựa 1 lít	cái	4		0	0	Tiêu huỷ
14	Lưới thép không rỉ	cái	4		0	0	Tiêu huỷ
15	Ống hút	cái	10		0	0	Tiêu huỷ
16	Kiềng ba chân	cái	6		0	0	Tiêu huỷ
17	Cặp gỗ	cái	3		0	0	Tiêu huỷ
18	Khay nhựa	cái	10		0	0	Tiêu huỷ
19	Những diễn biến cơ bản nhiễm sắc thể	hộp	6		0	0	Tiêu huỷ
20	Nhiệt kế đo thân người	cái	7		0	0	Tiêu huỷ
21	Bộ đồ dùng công nghệ	hộp	10		0	0	Tiêu huỷ
22	Bộ ảnh thực vât	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
23	Bộ ảnh động vật	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
24	Bộ tranh công nghệ	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
25	Kéo cắt cành	cái	10		0	0	Tiêu huỷ
26	Vợt côn trùng	cái	12		0	0	Tiêu huỷ
27	Phễu nhựa	cái	3		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
28	Đĩa nhựa bé	cái	30		0	0	Tiêu huỷ
29	Nhiễm sắc thể người bình thường và bất thường	hộp	1		0	0	Tiêu huỷ
30	Bộ giâm, chiết ghép	bộ	10		0	0	Tiêu huỷ
31	Bộ tiêu bản nhiễm sắc thể người	hộp	2		0	0	Tiêu huỷ
32	Bộ giâm chiết ghép	bộ	10		0	0	Tiêu huỷ
33	Nhiễm sắc thể người bình thường và bất thường	hộp	1		0	0	Tiêu huỷ
34	Máy chiếu vật thể	cái	3		0	0	Tiêu huỷ
35	Lọ thủy tinh miệng hẹp	bộ	5		0	0	Tiêu huỷ
36	Lọ thủy tinh miệng rộng	bộ	9		0	0	Tiêu huỷ
37	Chổi rửa ống nghiệm	cái	15		0	0	Tiêu huỷ
38	Giá nhựa để ống nghiệm	cái	8		0	0	Tiêu huỷ
39	Giá đỡ thí nghiệm	cái	8		0	0	Tiêu huỷ
40	Kẹp gỗ	cái	14		0	0	Tiêu huỷ
41	Đèn cồn	cái	9		0	0	Tiêu huỷ
42	Khay nhựa	cái	9		0	0	Tiêu huỷ
43	Kẹp sắt	cái	6		0	0	Tiêu huỷ
44	Kẹp đốt hóa chất	cái	5		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
45	Kẹp mo	cái	7		0	0	Tiêu huỷ
46	Kiềng 3 chân	cái	16		0	0	Tiêu huỷ
47	Lưới thép không rỉ	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
48	Nhiệt kế rượu	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
49	Áo choàng trắng	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
50	Dụng cụ nhận biết tính dẫn điện	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
51	Muỗng đốt hóa chất	cái	3		0	0	Tiêu huỷ
52	Hộp mẫu phân bón hóa học	hộp	1		0	0	Tiêu huỷ
53	Hộp mẫu quặng Al – Fe	hộp	1		0	0	Tiêu huỷ
54	Hộp mẫu dầu mỏ	hộp	2		0	0	Tiêu huỷ
55	Hộp mẫu dạng thù hình của C	hộp	1		0	0	Tiêu huỷ
56	Mô hình mạng tinh thể Cu	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
57	Mô hình mạng thinh thể kim cương	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
58	Mô hình mạng tinh thể than chì	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
59	Mô hình mạng tinh thể NaCl	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
60	Mô hình tinh thể kim loại	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
61	Mô hình phân tử C6H6	cái	1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
62	Mô hình phân tử CH4	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
63	Cân to	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
64	Cân nhỏ	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
65	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
66	Sơ đồ thiết bị điều chế HCl	tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
67	Sơ đồ thiết bị ba công đoạn chính sản xuất H2SO4	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
68	Sơ đồ thùng điện phân Al2O3 nóng chảy	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
69	Sơ đồ lò luyện thép Mác tanh	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
70	Sơ đồ lò cao bổ dọc và các phản ứng hóa học xảy ra	tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
71	Natri kim loại Na	kg	4		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
72	Lưu huỳnh bột S	kg	12		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
73	Nhôm bột Al	kg	21		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
74	Brom dung dịch đặc Br2	ống	9		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
75	Dung dịch I2	ml	5		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
76	Iot I2	kg	5		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
77	Đồng (II) oxit CuO	kg	16		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
78	Bạc nitrat AgNO3	kg	13		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
79	Crom (III) oxit Cr2O3	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
80	Silic đioxit SiO2	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
81	Mangan đioxit MnO2	kg	5		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
82	Natri hiđroxit NaOH	kg	10		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
83	Canxi hiđroxit Ca(OH)2	lít	12		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
84	Natri bromua NaBr	kg	16		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
85	Natri iotua NaI	kg	13		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
86	Kali K	kg	2		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
87	Kali clorua KCl	kg	7		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
88	Canxi clorua CaCl2	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
89	Bari clorua BaCl2	kg	2		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
90	Sắt (III) clorua FeCl3	kg	2		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
91	Crom (III) clorua CrCl3	kg	6		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
92	Nhôm clorua AlCl3	kg	13		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
93	Amoni clorua NH4Cl	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
94	Natri nitrat NaNO3	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
95	Kali nitrat KNO3	kg	14		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
96	Natri sunfat Na2SO4	kg	7		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
97	Natri sunfit Na2SO3	kg	8		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
98	Đồng sunfat CuSO4	kg	15		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
99	Canxi cacbonat CaCO3	kg	2		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
100	Natri cacbonat Na2CO3	kg	5		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
101	Natri photphat Na3PO4	kg	5		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
102	Canxi cacbua CaC2	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
103	Natrithiosunfat Na2S2O3	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
104	Kali đicromat K2Cr2O7	kg	10		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
105	Ancol etylic C2H5OH	lít	12		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
106	Anđehit fomic H-CHO	lít	6		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
107	Saccarozơ C12H22O11	kg	12		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
108	Anilin C6H5NH2	lít	12		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
109	Benzen C6H6	lít	12		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
110	Than gỗ c	kg	8		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
111	Canxi hiđroxit Ca(OH)2	lít	8		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
112	Canxi đihiđrophotphat Ca(H2PO4)2	kg	14		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
113	Glixerol C3H5(OH)3	lít	7		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
114	Metyl dacam	lít	2		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
115	Bột sắt Fe	kg	2		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
116	Natri hiđrocacbonat NaHCO3	kg	2		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
117	Natri axetat CH3COONa	kg	20		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
118	Nhôm sunfat Al2(SO4)3	kg	20		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
119	Sắt (III) oxit Fe2O3	kg	11		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
120	Sắt sunfat FeSO4	kg	15		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
121	FeS	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
122	Natri clorua NaCl	kg	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
123	Kali pemanganat KMnO4	kg	4		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
124	Dung dịch KMnO4	lít	4		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
125	Dung dịch amoniac bão hoà NH3	lít	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
126	Axit sunfuric H2SO4	lít	6		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
127	Axit sunfuric đặc H2SO4	lít	20		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
128	Axit clohidric HCl	lít	4		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
129	Axit clohidric HCl 18%	lít	4		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
130	Axit clohidric HCl 6%	lít	7		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
131	HCl không nhãn	lít	5		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
132	HCl đặc	lít	6		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
133	HF	lít	4		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
134	HNO3	lít	4		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
135	HNO3 đặc	lít	3		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
136	HNO3 không nhãn	lít	19		0	0	Bảo quản, đóng gói chờ kế hoạch tiêu hủy tập trung của Sở.
137	Máy chiếu optoma 2015	cái	12	13.910.000	0	0	Tiêu huỷ
138	Máy chiếu optoma 2017	cái	13	14.531.000	0	0	Tiêu huỷ
139	Máy chiếu optoma 2018	cái	5	17.654.675	0	0	Tiêu huỷ
140	Máy chiếu H-PEC	cái	4		0	0	Tiêu huỷ
141	Máy tính FPT 2016	bộ	45	10.012.000	0	0	Tiêu huỷ
142	Máy tính FPT 2018	bộ	2	15.068.838	0	0	Tiêu huỷ
143	Máy tính FPT 2020	bộ	1	15.221.583	0	0	Tiêu huỷ
144	Màn hình sam sung hỏng	cái	4		0	0	Tiêu huỷ
145	Màn hình LG hỏng	cái	24		0	0	Tiêu huỷ
146	CPU Elead, CMS	cây	19		0	0	Tiêu huỷ
147	Máy tính xách tay 2012 - Dell	cái	2	16.000.000	0	0	Tiêu huỷ
148	Máy tính xách tay 2017 - Dell trắng	cái	3	15.422.000	0	0	Tiêu huỷ
149	Máy in HP 402+canon 3300, LBP 810	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
150	Máy Photo Ricolh 2500	cái	1	56.350.000	0	0	Tiêu huỷ
151	Máy nổ HG 7500	cái	1	23.650.000	0	0	Tiêu huỷ
152	Bàn máy tính HS	cái	24		0	0	Tiêu huỷ
153	Hộp VGA Splitter hỏng	cái	13		0	0	Tiêu huỷ
154	Modem viettel	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
155	Túi đựng máy chiếu	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
156	Mành chiếu	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
157	Bàn phím hỏng	cái	39		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
158	Loa hỏng	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
159	Lioa	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
160	Bộ thí nghiệm Quang Hình	bộ	17		0	0	Tiêu huỷ
161	Đồng hồ đo thời gian HS	cái	17		0	0	Tiêu huỷ
162	Đồng hồ đa năng	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
163	Đồng hồ đo điện	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
164	Vôn kế	cái	8		0	0	Tiêu huỷ
165	Quả năng	hộp	6		0	0	Tiêu huỷ
166	Dòng điện trong môi trường	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
167	Thấu kính	cái	32		0	0	Tiêu huỷ
168	Điện trở, tụ, đèn	cái	41		0	0	Tiêu huỷ
169	Mao dẫn	cái	4		0	0	Tiêu huỷ
170	Đo lực căng mặt ngoài	cái	13		0	0	Tiêu huỷ
171	Nhiễm điện	cái	3		0	0	Tiêu huỷ
172	Bảng thép	cái	15		0	0	Tiêu huỷ
173	Mô hình phân tử	cái	10		0	0	Tiêu huỷ
174	Bộ thí nghiệm dòng điện không đổi	bộ	8		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
175	Bộ thí nghiệm dòng xoay chiều	bộ	5		0	0	Tiêu huỷ
176	Bộ nguồn 3:12V	bộ	5		0	0	Tiêu huỷ
177	Máy phát tần số	cái	10		0	0	Tiêu huỷ
178	Biến thế nguồn	cái	6		0	0	Tiêu huỷ
179	Bộ giao thao sóng nước cũ	bộ	4		0	0	Tiêu huỷ
180	Tĩnh điện kế	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
181	Bộ sóng nước	bộ	2		0	0	Tiêu huỷ
182	Thí nghiệm rơi tự do	bộ	4		0	0	Tiêu huỷ
183	Thí nghiệm giun xớt	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
184	Máy bơm cóp	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
185	Đo thành phần nằm ngang của từ trường trái đất	bộ	12		0	0	Tiêu huỷ
186	Thí nghiệm hiện tượng quang điện ngoài	bộ	9		0	0	Tiêu huỷ
187	Điện kế chứng minh	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
188	Bộ lực ly tâm	bộ	2		0	0	Tiêu huỷ
189	Bình điện tâm	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
190	Thí nghiệm đo lực song song cùng chiều	bộ	4		0	0	Tiêu huỷ
191	Tủ gỗ ép		1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
192	Ti vi LG		1		0	0	Tiêu huỷ
193	Bình cứu hỏa	bình	2		0	0	Tiêu huỷ
194	Ghế da	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
195	Bình nóng lạnh S40		1		0	0	Tiêu huỷ
196	Tủ kính ngang gỗ ép		1		0	0	Tiêu huỷ
197	Tủ kính đứng gỗ ép		1		0	0	Tiêu huỷ
198	Tủ sắt cửa kính		1		0	0	Tiêu huỷ
199	Mô hình góc và cung lượng giác	bộ	3		0	0	Tiêu huỷ
200	Mô hình 3 đường conic	bộ	3		0	0	Tiêu huỷ
201	Bộ dụng cụ tạo mặt tròn xoay	bộ	4		0	0	Tiêu huỷ
202	Bộ mô hình khối hình không gian	bộ	2		0	0	Tiêu huỷ
203	Bộ thước, com ba	bộ	2		0	0	Tiêu huỷ
204	Tranh: 1 số hình ảnh tư liệu về Đỗ Phủ	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
205	Tranh: 1 số hình ảnh tư liệu về Nguyễn Du	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
206	Tranh: 1 số hình ảnh tư liệu về Lí Bạch	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
207	Tranh: 1 số hình ảnh tư liệu về Nguyễn Bỉnh Khiêm	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
208	Tranh: 1 số hình ảnh tư liệu về Nguyễn Trãi	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
209	Tranh: Phong cảnh Tây Bắc	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
210	Tranh: Chiến khu Việt Bắc	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
211	Tranh: Phong cảnh sông Hương	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
212	Tranh: Nạn đói 1945 ở đb Bắc Bộ	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
213	Tranh Máy kéo xích	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
214	Tranh Lò nấu kim loại đúc	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
215	Tranh Công tắc tơ	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
216	Tranh Một số linh kiện ĐT	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
217	Tranh Hoạt động của Tranzitor	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
218	Tranh vẽ hình học	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
219	Tranh cấu tạo của Diot và Tranzitor	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
220	Tranh hình chiếu trục đo	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
221	Tranh máy tiện	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
222	Tranh bản vẽ chi tiết	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
223	Tranh sự tạo thành từ trường quay	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
224	Tranh bản vẽ lắp	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
225	Tranh hình cắt- mặt cắt	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
226	Tranh hệ thống bôi trơn	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
227	Tranh một số tiêu chuẩn vẽ kĩ thuật	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
228	Tranh đặc tính mạch xoay chiều	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
229	Tranh Phép chiếu và phương pháp HCVG	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
230	Tranh Các phương pháp gia công kim loại	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
231	Tranh Một số bộ phận của máy tiện	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
232	Tranh Biểu diễn quy ước ren và mối hàn	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
233	Tranh đúc trong khuôn cát và khuôn li tâm	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
234	Tranh động cơ xăng 2 kỳ	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
235	Tranh các bộ phận chính của đồng cơ 3 pha	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
236	Tranh Cơ cấu PP khí	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
237	Tranh CN chế tạo phôi đúc trong khuôn cát	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
238	Tranh Động cơ xăng 4 kỳ và ĐC xăng 2 kỳ	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
239	Tranh trục khuỷu thanh truyền	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
240	Tranh Hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
241	Tranh HT truyền lực ô tô và bộ li hợp	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
242	Tranh Hộp số, truyền lực chính và bộ vi sai	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
243	Tranh Máy biến áp 3 pha	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
244	Tranh Động cơ điện không đồng bộ 3 pha	tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
245	Bảng mạch nguồn cung cấp điện một chiều	bộ	9		0	0	Tiêu huỷ
246	Bảng mạch khuyếch đại âm tần	bộ	8		0	0	Tiêu huỷ
247	Bảng mạch tạo xung đa hài	bộ	9		0	0	Tiêu huỷ
248	Bảng mạch điều khiển ĐC không đồng bộ một pha	bộ	10		0	0	Tiêu huỷ
249	Bảng mạch bảo vệ quá tải điện áp	bộ	6		0	0	Tiêu huỷ
250	Điện trở than	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
251	Điện trở kim loại	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
252	Điện trở sứ	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
253	Tụ giấy	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
254	Tụ gốm	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
255	Tụ hoá 1000	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
256	Tụ hoá (2 tụ 100)	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
257	Cuộn cảm lõi ferit	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
258	Biến áp cao tần	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
259	Cuộn cảm lõi không khí	cái	5		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
260	Biến áp	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
261	Tirixto	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
262	Triac	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
263	Diac	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
264	Tranzitor	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
265	IC	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
266	Diot phát quang	cái	6		0	0	Tiêu huỷ
267	Diot tách sóng	cái	6		0	0	Tiêu huỷ
268	Đồng hồ đo điện vạn năng	cái	3		0	0	Tiêu huỷ
269	Bút thử điện	cái	4		0	0	Tiêu huỷ
270	Bộ tuốc lơ vít	bộ	1		0	0	Tiêu huỷ
271	Đài	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
272	Tranh tiếng anh 10	tờ	201		0	0	Tiêu huỷ
273	Tranh tiếng anh 11	tờ	105		0	0	Tiêu huỷ
274	Tranh tiếng anh 12	tờ	90		0	0	Tiêu huỷ
275	Đài catset	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
276	Tranh thục hành TD	tờ	2		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
277	Thước dây	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
278	Lưới cầu lông	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
279	Lưới đá cầu	cái	5		0	0	Tiêu huỷ
280	Đệm mút nhảy cao	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
281	Bụng giậm nhảy	cái	1		0	0	Tiêu huỷ
282	Xà nhảy cao	cây	1		0	0	Tiêu huỷ
283	Cờ đích	cái	2		0	0	Tiêu huỷ
284	Bóng rổ	quả	10		0	0	Tiêu huỷ
285	Tạ đẩy	quả	10		0	0	Tiêu huỷ
286	Ghế thực hành các phòng thực hành	cái	81		0	0	Tiêu huỷ
287	Lược đồ khu vực Mỹ - La tinh	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
288	Lược đồ Châu Á	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
289	Lược đồ châu Phi	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
290	Lược đồ quan hệ quốc tế trong " chiến tranh lạnh"	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
291	Lược đồ Đông Nam Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
292	Lược đồ đế quốc Nhật bản	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
293	Lược đồ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Á – Phi – MLT	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
294	Lược đồ hành trình cứu nước của Hồ Chí Minh	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
295	Lược đồ cách mạng tháng tám	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
296	Lược đồ chiến dịch Hồ Chí Minh	Tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
297	Lược đồ chiến trường Đông dương từ (53 – 54)	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
298	Lược đồ khởi nghĩa Bắc sơn – Nam kỳ - Đô lương	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
299	Lược đồ các lực lượng quân sự Việt Nam sau cách mạng tháng tám	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
300	Hình ảnh thành tựu đổi mới	Tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
301	Hình ảnh quân dân cả nước chuẩn bị cho Điện Biên Phủ	Tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
302	Hình ảnh nhà hát cổ Hi lạp – Rô ma	Tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
303	Hình ảnh hiện vật, cấu trúc, điêu khắc cổ chăm pha	Tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
304	Hộp đựng mô hình thời nguyên thủy	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
305	Lược đồ các quốc gia cổ đại Phương đông – Phương tây	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
306	Nghệ thuật gốm sứ, điêu khắc thời Lý – Trần	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
307	Các quốc gia Đông Nam Á cổ và phong kiến	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
308	Chiến thắng Bạch Đằng 938	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
309	Kháng chiến chống tống thời Lý (1075 – 1077)	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
310	Kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
311	Phong trào đấu tranh xâm lược Minh	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
312	Việt Nam từ (1919 – 1945)	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
313	Tổng tiến công nổi dậy xuân 1975	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
314	Quá trình xâm lược Việt nam (1858 – 1867)	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
315	Nước Anh thời cận đại	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
316	Trung Quốc giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
317	Một số thành tựu khoa học và công nghệ thế giới nửa sau thế kỷ XX	Tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
318	Tổng khởi nghĩa tháng 8 – 1945 ở Hà Nội – Huế - Sài Gòn	Tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
319	Lược đồ Châu Phi	Tờ	2		0	0	Tiêu huỷ
320	Lược đồ đế quốc Nhật Bản	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
321	Lược đồ chiến tranh giành độc lập của 13 nước thuộc địa	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
322	Lược đồ các vương quốc hồi giáo	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
323	Lược đồ cách mang tư sản Anh giữa thế kỷ XVII	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
324	Lược đồ công xã pari	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
325	Lược đồ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Á – Phi – MLT	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
326	Lược đồ chiến dịch việt bắc	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
327	Lược đồ cách mạng tháng tám	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
328	Lược đồ chiến trường Đông dương từ (53 – 54)	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
329	Lược đồ Việt nam (từ 1954 – 1975)	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
330	Lược đồ khởi nghĩa Bắc sơn – Nam kỳ - Đô lương	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
331	Lược đồ các lực lượng quân sự việt Nam sau cách mạng tháng 8	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
332	Hình ảnh nhà hát cổ Hi nạp – Rô ma	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
333	Kiến trúc đền tháp Ấn Độ	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
334	Kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
335	Chiến tranh thế giới lần thứ II (1939 – 1941)	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
336	Lãnh thổ đại việt đến thế kỷ XV	Tờ	1		0	0	Tiêu huỷ
	Tổng cộng:		**2.126**				